

UNIT 4:**OUR CUSTOMS AND TRADITIONS****GETTING STARTED****I/ NEW WORDS:**

- explain	(v) : giải thích
- explanation	(n) : sự giải thích
- generation	(n) : thế hệ
- spot on	(adj) : chính xác
- sharp	(adv): chính xác, đúng
- you're kidding!	(idiom):bạn nói đùa thế thôi!
- table manners	(n):phép tắc ăn uống ở bàn ăn
- presentation	(n) : cách trình bày
- totally	(adv) : toàn bộ
- human society	(n) : xã hội loài người
- polite - impolite	(adj) : lịch sự- bất lịch sự
- chopsticks	(n) : đũa
- worship ancestor	(v) : thờ cúng tổ tiên
- compliment	(n) : lời khen

